

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2021.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Võ Văn Liêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cúc.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2021, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị T - sinh năm 1975, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1971, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp 9, xã V, huyện G, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, bản tự khai và biên bản ghi lời khai của nguyên đơn bà Phan Thị T như sau: Vào năm 1993, bà với ông Nguyễn Văn C tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì hai người sống chung như vợ chồng vào năm 1994, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu bà và ông Nguyễn Văn C sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn C có quan hệ với người phụ nữ khác, bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Co không thay đổi. Hiện bà không còn sống chung với ông Co. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Sau thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn C có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Lệ Ch – sinh ngày– sinh ngày 15/9/1994.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung của vợ chồng bà thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Hiện con của bà đã trưởng thành và có công việc ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án thông báo tìm ông trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn C không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Nguyễn Văn C.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với nguyên đơn hiện đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh có xác nhận của công ty nên không thể đến Tòa án và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do tình hình dịch bệnh Covid-19 vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xử không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không có đề nghị.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án, ông Nguyễn Văn C có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Nguyễn Văn C vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên, ngày 15 tháng 4 năm 2021, Tòa án làm việc với ông Nguyễn Văn D, giữ chức vụ Phó Trưởng ấp 9, xã V, huyện G để xác minh về tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông Nguyễn Văn C thì được ông Dũng cho biết ông Nguyễn Văn C hiện vẫn còn hộ khẩu ở ấp 9, xã V, huyện G nhưng ông Nguyễn Văn C đã bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, ở địa phương không có ai tranh chấp về tài sản hay nợ nần gì với ông Nguyễn Văn C và bà Phan Thị T, nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn C sống chung với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 08 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn C có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Lệ Ch – sinh ngày – sinh ngày 15/9/1994. Hiện nay, con của ông bà đã trưởng thành và có công việc ổn định, bà Phan Thị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên tòa sau khi công bố nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Phan Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai

thu số 0009793, ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Phan Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;  
- Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;  
- Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;  
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0009793, ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thị Thùy Trang**